

Số: 1534 /2008/QĐ-BCA(A11)

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2008

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày:.....
	Chuyên:.....

QUYẾT ĐỊNH**Về Danh mục bí mật Nhà nước độ Mật
của ngành Công thương****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Công thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật Nhà nước độ Mật trong ngành Công thương gồm những tin sau:

1. Chiến lược, quy hoạch và các dự án phát triển ngành Công thương đã được Chính phủ phê duyệt và các giải pháp bảo đảm thực hiện chưa công bố.

2. Kết quả những công trình, đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước về cơ khí, luyện kim, năng lượng điện, hóa chất, dầu khí, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp chế biến khác và thương mại chưa công bố.

3. Tin, hồ sơ, tài liệu về đấu thầu, xét thầu các dự án đầu tư trong ngành Công thương đang trong quá trình xem xét chưa công bố.

4. Tài liệu về thiết kế, xây dựng các công trình trọng điểm: cơ khí, luyện kim, năng lượng điện, hóa chất, dầu khí, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp chế biến khác và thương mại đã được phê duyệt chưa công bố.

5. Phương án, kế hoạch bảo vệ các công trình trọng điểm trong ngành Công thương và các hồ, đập thủy điện.

6. Tài liệu quy hoạch, thiết kế các cơ sở sản xuất công nghiệp lưỡng dụng.

7. Thông tin về thực hiện Công ước cấm vũ khí hóa học liên quan đến an ninh, quốc phòng chưa công bố.

8. Tài liệu, địa điểm, trữ lượng các mỏ kim loại, phi kim loại quý hiếm, đá quý, các mỏ phóng xạ, các phát hiện dầu khí chưa công bố.

9. Địa điểm cất giữ, số lượng vật liệu nổ công nghiệp được Nhà nước đưa vào dự trữ quốc gia và giao Bộ Công thương quản lý.

10. Tài liệu, ảnh vệ tinh, ảnh máy bay của Việt Nam có vị trí các mỏ, các nhà máy, xí nghiệp, các khu công nghiệp theo lưới tọa độ nhà nước hoặc lưới tọa độ địa phương.

11. Các phương thức vận hành ngắn hạn hệ thống điện quốc gia, hệ thống điện các miền, hệ thống điện các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

12. Sơ đồ lưới điện cao áp cấp điện cho các công trình, mục tiêu quan trọng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

13. Tin, tài liệu về các đề án tìm kiếm - thăm dò - khai thác hoặc chế biến dầu khí trọng điểm của Nhà nước chưa công bố.

14. Tin, tài liệu về chọn đối tác, quá trình đàm phán, kết quả đàm phán và nội dung các hợp đồng dầu khí với các đối tác trong và ngoài nước chưa công bố. Tài liệu kinh tế - khoa học - kỹ thuật do các đối tác nước ngoài chuyển giao cho ngành Dầu khí mà theo yêu cầu bên giao không được tiết lộ cho bên thứ ba.

15. Báo cáo kết quả nghiên cứu, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện từng giai đoạn và ngân sách tài chính của mỗi giai đoạn tương ứng của các hợp đồng dầu khí và báo cáo tổng kết hoạt động tìm kiếm - thăm dò dầu khí, đánh giá tiềm năng dầu khí của lô hợp đồng chưa công bố.

16. Tài liệu, mẫu vật nguyên thủy thu thập được từ các giếng khoan tìm kiếm - thăm dò, thăm lượng đang thi công chưa công bố. Chương trình thăm lượng mỏ tương ứng với từng hợp đồng dầu khí. Báo cáo về trữ lượng mỏ và phương án đầu tư chiều sâu cho công tác phát triển và khai thác mỏ dầu khí.

17. Tin, tài liệu về đầu tư, xây dựng, quy trình công nghệ, quá trình vận hành và tài liệu về kết quả phân tích thí nghiệm lọc, hóa dầu của các công trình lọc, hóa dầu chưa công bố.

18. Phương án giá sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục nhà nước quy định chưa công bố.

19. Số liệu về tổng cung, tổng cầu các mặt hàng trọng yếu của Nhà nước về tài sản, hàng hóa dự trữ của ngành Công thương chưa công bố.

20. Kế hoạch và biện pháp điều hành xuất nhập khẩu, bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường xã hội chưa công bố.

21. Tài liệu tổng kết, báo cáo thực trạng thị trường trong nước, buôn bán giữa Việt Nam với nước ngoài và hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam chưa công bố.

22. Số liệu khảo sát, nghiên cứu hoạt động thương mại từng khu vực, từng nước, từng doanh nghiệp đối tác của Việt Nam ở nước ngoài và những tin tức thu thập từ nước ngoài phục vụ cho kinh tế - thương mại chưa công bố hoặc không công bố.

23. Các loại chỉ số tổng hợp về giá cả và phương án chỉ đạo về giá, điều chỉnh giá chưa công bố.

24. Lệnh của cơ quan có thẩm quyền, kế hoạch, phương án kiểm tra vụ việc vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong hoạt động thương mại chưa công bố.

25. Tin, tài liệu về tổ chức, cá nhân (kể cả người nước ngoài) có dấu hiệu buôn lậu, mua bán hàng giả hoặc vi phạm nghiêm trọng chính sách, pháp luật về quản lý thị trường đang trong quá trình theo dõi, điều tra.

26. Tài liệu thiết kế kỹ thuật mạng máy tính nội bộ, mã khóa, mật khẩu, quy ước về đảm bảo an ninh trong ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Công thương.

27. Hồ sơ, tài liệu, kết quả thanh tra và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo trong ngành Công thương đang trong giai đoạn kiểm tra, xác minh hoặc đã kết luận nhưng chưa công bố.

28. Phương án tổ chức bộ máy, điều chuyển, sắp xếp, quy hoạch cán bộ; hồ sơ cán bộ lãnh đạo từ cấp vụ và tương đương trở lên, tài liệu quy hoạch cán bộ lãnh đạo trong ngành Công Thương chưa công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 584/2003/QĐ-BCA ngày 25 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công an về Danh mục bí mật Nhà nước độ Mật trong ngành Thương mại; Quyết định số 1487/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về Danh mục bí mật Nhà nước độ Mật của ngành Công nghiệp. Cơ quan chức năng của Bộ Công Thương và Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành quyết định này.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các cơ quan, tổ chức nói trong Điều 2 Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000 và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Lưu BCA.

BỘ TRƯỞNG



Lê Hồng Anh
Đại tướng Lê Hồng Anh